

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THĐ - THIÊN HƯƠNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THĐ - THIÊN HƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THĐ - THIEN HUONG GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THĐ GROUP

2. Mã số doanh nghiệp: 2301084776

3. Ngày thành lập: 21/03/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Khu Khúc Toại, Phường Khúc Xuyên, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0965703668

Fax:

Email: tranhoangdiepkx79@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng lúa	0111
2.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
3.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
4.	Trồng cây mía	0114
5.	Trồng cây thuốc lá, thuốc Lào	0115
6.	Trồng cây lấy sợi	0116
7.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
8.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
9.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: - Trồng cây gia vị hàng năm - Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm - Trồng cây hàng năm khác còn lại	0119
10.	Trồng cây ăn quả	0121
11.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
12.	Trồng cây điều	0123
13.	Trồng cây hồ tiêu	0124
14.	Trồng cây cao su	0125
15.	Trồng cây cà phê	0126
16.	Trồng cây chè	0127
17.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
18.	Trồng cây lâu năm khác	0129

19.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
20.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
21.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
22.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
23.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
24.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
25.	Chăn nuôi gia cầm	0146
26.	Chăn nuôi khác Chi tiết: - Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh (trừ cá cảnh): chó, mèo, thỏ, bò sát, côn trùng; - Nuôi ong, nhân giống ong và sản xuất mật ong; - Nuôi tằm, sản xuất kén tằm; - Sản xuất da lông thú, da bò sát từ hoạt động chăn nuôi.	0149
27.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
28.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
29.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
30.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
31.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
32.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
33.	Khai thác gỗ	0220
34.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
35.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
36.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
37.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
38.	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: - Sản xuất nước ép từ rau quả - Chế biến và bảo quản rau quả khác	1030
39.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
40.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
41.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
42.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
43.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
44.	Sản xuất đường	1072
45.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
46.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
47.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
48.	Sản xuất chè	1076

49.	Sản xuất cà phê	1077
50.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất súp và nước xuyết; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt; - Sản xuất dấm; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: Bánh sandwich, bánh pizza tươi. - Sản xuất các loại trà được thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); - Sản xuất men bia; - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ; - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo; - Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến; - Sản xuất thực phẩm chức năng.	1079
51.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
52.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: - Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai - Sản xuất đồ uống không cồn: Sản xuất nước có mùi vị hoặc nước ngọt không cồn, có ga hoặc không có ga: nước chanh, nước cam, côla, nước hoa quả, nước bổ dưỡng...	1104
53.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
54.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
55.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
56.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
57.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
58.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
59.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702

60.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất giấy vệ sinh cá nhân và giấy dùng trong gia đình và sản phẩm chèn lót bằng xenlulo như: + Giấy ăn, giấy lau chùi, + Băng vệ sinh và khăn lau vệ sinh, tã giấy cho trẻ sơ sinh, + Cốc, chén đĩa, khay bằng giấy. - Sản xuất các đồ dẹt chèn lót và sản phẩm chèn lót như: Giấy vệ sinh, băng vệ sinh; - Sản xuất giấy viết, giấy in; - Sản xuất giấy in cho máy vi tính; - Sản xuất giấy tự copy khác; - Sản xuất giấy nền và giấy than; - Sản xuất giấy phết hồ sẵn và giấy dính; - Sản xuất phong bì, bưu thiếp; - Sản xuất sổ sách, sổ kế toán, bìa rời, an-bum và các đồ dùng văn phòng phẩm tương tự dùng trong giáo dục và thương mại; - Sản xuất hộp, túi, túi dết, giấy tóm tắt bao gồm sự phân loại đồ dùng văn phòng phẩm bằng giấy; - Sản xuất giấy dán tường và giấy phủ tường tương tự bao gồm giấy có phủ chất dẻo và giấy dán tường có sợi dẹt; - Sản xuất nhãn hiệu; - Sản xuất giấy lọc và bìa giấy; - Sản xuất ống chỉ, suốt chỉ bằng giấy và bìa giấy; - Sản xuất khay đựng trứng và các sản phẩm đóng gói khác được đúc sẵn; - Sản xuất giấy mới từ giấy phế thải; - Sản xuất vàng mã các loại.	1709
61.	In ấn	1811
62.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
63.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
64.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
65.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
66.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
67.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
68.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đầu	2399

69.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: Sản xuất đồ đạc các loại bằng gỗ ở mọi nơi và cho các mục đích khác nhau. Cụ thể: - Sản xuất ghế và chỗ ngồi bằng gỗ cho văn phòng, phòng làm việc, khách sạn, nhà hàng, nơi công cộng và gia dụng; - Sản xuất ghế và chỗ ngồi bằng gỗ cho nhà hát, rạp chiếu phim; - Sản xuất ghế và chỗ ngồi cho thiết bị vận tải bằng gỗ; - Sản xuất ghế xôfa, giường xôfa và bộ xôfa; - Sản xuất ghế và chỗ ngồi bằng gỗ trong vườn; - Sản xuất đồ nội thất bằng gỗ đặc biệt cho cửa hàng: quầy thu tiền, giá trưng bày, kệ, ngăn, giá... - Sản xuất đồ đạc văn phòng bằng gỗ; - Sản xuất đồ đạc nhà bếp bằng gỗ; - Sản xuất đồ đạc gỗ cho phòng ngủ, phòng khách, vườn... - Sản xuất tủ gỗ cho máy khâu, tivi... - Sản xuất ghế dài, ghế đầu cho phòng thí nghiệm, chỗ ngồi khác cho phòng thí nghiệm, đồ đạc cho phòng thí nghiệm (như tủ và bàn); - Sản xuất đồ đạc bằng gỗ cho y tế, phẫu thuật, nha sĩ và thú y; - Sản xuất đồ đạc bằng gỗ cho nhà thờ, trường học, nhà hàng. - Hoàn thiện việc bọc ghế và chỗ ngồi bằng gỗ bằng vật liệu dùng để bọc đồ đạc; - Hoàn thiện đồ gỗ nội thất như phun, vẽ, đánh xi và nhồi đệm; - Sản xuất đồ đỡ đệm bằng gỗ; - Gia công một số chi tiết cho sản phẩm tủ thờ.	3100
70.	Xây dựng nhà để ở	4101
71.	Xây dựng nhà không để ở	4102
72.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
73.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
74.	Xây dựng công trình điện	4221
75.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
76.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
77.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: - Xây dựng công trình xử lý bùn. - Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu	4229
78.	Xây dựng công trình thủy	4291
79.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
80.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293

81.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời. - Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...).	4299
82.	Phá dỡ	4311
83.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm: hoạt động dò mìn, nổ mìn)	4312
84.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
85.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
86.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: Thang máy, thang cuốn; Cửa cuốn, cửa tự động; Dây dẫn chống sét; Hệ thống hút bụi; Hệ thống âm thanh; Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
87.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

88.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ), + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo, + Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển.	4390
89.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; môi giới mua bán hàng hóa (Loại trừ: hoạt động đấu giá hàng hóa)	4610
90.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: - Bán buôn thóc, lúa mỳ, ngô, hạt ngũ cốc khác; - Bán buôn hạt, quả có dầu; - Bán buôn hoa và cây; - Bán buôn thuốc lá lá; - Bán buôn động vật sống; - Bán buôn da sống và bì sống; - Bán buôn da thuộc; - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác, phế liệu, phế thải và sản phẩm phụ được sử dụng cho chăn nuôi động vật. (Trừ các loại Nhà nước cấm)	4620
91.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
92.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột...	4632

93.	Bán buôn đồ uống	4633
94.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649(Chính)
95.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663
96.	Bán buôn tổng hợp	4690
97.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
98.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
99.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
100.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
101.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
102.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: - Đồ ngũ kim; - Sơn, véc ni và sơn bóng; - Kính phẳng; - Vật liệu xây dựng khác như gạch, ngói, gỗ, thiết bị vệ sinh; - Thiết bị và vật liệu để tự làm	4752

103.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán lẻ đèn và bộ đèn; - Bán lẻ dụng cụ gia đình và dao kéo, dụng cụ cắt, gọt; hàng gốm, sứ, hàng thủy tinh; - Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện; - Bán lẻ thiết bị gia dụng; - Bán lẻ nhạc cụ; - Bán lẻ thiết bị hệ thống an ninh như thiết bị khoá, kết sắt... không đi kèm dịch vụ lắp đặt hoặc bảo dưỡng; - Bán lẻ thiết bị và hàng gia dụng khác chưa được phân vào đâu.	4759
104.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
105.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ gạo, ngô, thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào, bán tại chợ hoặc lưu động.	4781
106.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ	4784
107.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng; - Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet. - Bán trực tiếp qua tivi, đài, điện thoại; (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4791
108.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động...; - Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng). (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4799
109.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
110.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
111.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
112.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
113.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

114.	Bốc xếp hàng hóa	5224
115.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú cho khách du lịch, khách trọ, hàng ngày hoặc hàng tuần, nhìn chung là ngắn hạn. Các cơ sở lưu trú bao gồm loại phòng thuê có sẵn đồ đạc, hoặc loại căn hộ khép kín có trang bị bếp và dụng cụ nấu ăn, có hoặc không kèm theo dịch vụ dọn phòng hàng ngày, có thể đi kèm với các dịch vụ khác như ăn uống, chỗ đỗ xe, dịch vụ giặt là, bể bơi, phòng tập, dịch vụ giải trí, phòng họp và thiết bị phòng họp; - Hoạt động của các cơ sở lưu trú như: khách sạn; biệt thự du lịch (resort); phòng hoặc căn hộ khách sạn; nhà khách, nhà nghỉ; nhà trọ, phòng trọ; chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động; làng sinh viên, ký túc xá sinh viên; nhà điều dưỡng.	5510
116.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: - Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh) - Cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh - Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác	5610
117.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
118.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể.	5629
119.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Hoạt động chế biến và phục vụ đồ uống cho khách hàng tiêu dùng tại chỗ của các quán bar, quán karaoke, quán rượu; quán giải khát có khiêu vũ (trong đó cung cấp dịch vụ đồ uống là chủ yếu); hàng bia, quán bia; quán cafe, nước hoa quả, giải khát; dịch vụ đồ uống khác như: nước mía, nước sinh tố, quán chè...	5630

120.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở; - Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở: + Cho thuê nhà, căn hộ có đồ đạc hoặc chưa có đồ đạc hoặc các phòng sử dụng để ở lâu dài, theo tháng hoặc theo năm. + Hoạt động quản lý nhà, chung cư - Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở: + Cho thuê nhà, đất không phải để ở như văn phòng, cửa hàng, trung tâm thương mại, nhà xưởng sản xuất, khu triển lãm, nhà kho, trung tâm thương mại... + Hoạt động điều hành, quản lý nhà và đất không phải để ở. - Kinh doanh bất động sản khác: Bao gồm: các hoạt động kinh doanh bất động sản không thuộc các nhóm trên như cho thuê các khoảng không tại tòa nhà, hoạt động điều hành quản lý các tòa nhà thuộc Chính phủ...	6810
121.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Loại trừ: hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất)	6820
122.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc Nhóm này gồm: Việc cung cấp các dịch vụ kiến trúc, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ phác thảo, dịch vụ kiểm định xây dựng như: + Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; + Thiết kế máy móc và thiết bị; + Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông. + Giám sát thi công xây dựng cơ bản. - Hoạt động đo đạc và bản đồ. Nhóm này gồm: + Dịch vụ điều tra, đo đạc và lập bản đồ; + Vẽ bản đồ và thông tin về không gian. - Tư vấn lập quy hoạch xây dựng; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; - Tư vấn quản lý dự án; - Giám sát thi công xây dựng, kiểm định xây dựng	7110
123.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
124.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Loại trừ hoạt động của Trung tâm giới thiệu việc làm)	7810
125.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
126.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830

127.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan Chi tiết: - Trồng cây, chăm sóc và duy trì: + Công viên và vườn hoa + Khu đất đô thị (công viên, khu vực cây xanh, nghĩa trang...), - Trồng cây xanh cho: + Sân thể thao, sân chơi và công viên giải trí khác (sân thể thao, sân chơi, bãi cỏ phơi nắng, sân golf).	8130
128.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ các thông tin nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	8230
129.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (loại trừ hoạt động đầu giá độc lập)	8299
130.	Giáo dục nhà trẻ	8511
131.	Giáo dục mẫu giáo	8512
132.	Đào tạo sơ cấp (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8531
133.	Đào tạo trung cấp (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8532
134.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
135.	Giáo dục thể thao và giải trí Chi tiết: Dạy các môn thể thao (ví dụ như bóng chày, bóng rổ, bóng đá, v.v...); Dạy thể thao, cắm trại; Hướng dẫn cổ vũ; Dạy thể dục; Dạy cưỡi ngựa; Dạy bơi; Huấn luyện viên, giáo viên và các hướng dẫn viên thể thao chuyên nghiệp; Dạy võ thuật; Dạy chơi bài; Dạy yoga.	8551
136.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật Chi tiết: Dạy piano và dạy các môn âm nhạc khác; Dạy hội hoạ; Dạy nhảy; Dạy kịch; Dạy mỹ thuật; Dạy nghệ thuật biểu diễn; Dạy nhiếp ảnh (trừ hoạt động mang tính thương mại).	8552

137.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
138.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng các đối tượng khác. Nhóm này gồm: - Nhà dưỡng lão có sự chăm sóc điều dưỡng; - Nhà an dưỡng; - Nhà nghỉ có chăm sóc điều dưỡng; - Các cơ sở chăm sóc điều dưỡng; - Nhà điều dưỡng.	8710
139.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công, người già và người khuyết tật không có khả năng tự chăm sóc Chi tiết: Hoạt động chăm sóc sức khỏe người già Nhóm này gồm: - Việc cung cấp các dịch vụ chăm sóc cho người già, những người mà không thể tự chăm sóc mình một cách đầy đủ hoặc những người mà không muốn sống độc lập một mình. Việc chăm sóc bao gồm phòng ở, chế độ ăn uống, theo dõi và giúp đỡ trong cuộc sống hàng ngày, như dịch vụ quản gia. Trong một số trường hợp, các đơn vị này còn cung cấp sự chăm sóc điều dưỡng về chuyên môn cho những người sống tại các khu riêng khác. - Hoạt động của các cơ sở trợ giúp cuộc sống; - Hoạt động tiếp tục chăm sóc sức khỏe cho những người về hưu; - Nhà dành cho người già với sự chăm sóc điều dưỡng tối thiểu; - Nhà nghỉ không có sự chăm sóc điều dưỡng.	8730
140.	Hoạt động chăm sóc tập trung khác Chi tiết: Hoạt động chăm sóc tập trung khác chưa được phân vào đâu Nhóm này gồm: - Việc cung cấp dịch vụ chăm sóc cho cá nhân hoặc dân cư loại trừ đối với người già và người bị khuyết tật, những người mà không thể tự chăm sóc mình một cách đầy đủ hoặc những người không muốn sống độc lập một mình; - Hoạt động tại các cơ sở tập trung liên tục của các cơ quan nhà nước hoặc các tổ chức tư nhân cung cấp sự trợ giúp của xã hội đối với trẻ em và những nhóm người bị một số hạn chế về khả năng tự chăm sóc, nhưng ở đó sự điều trị y tế, hoặc sự giáo dục không phải là yếu tố quan trọng, bao gồm: + Trại mồ côi, + Các ký túc xá, nhà ở nội trú cho trẻ em, + Nhà ở tạm thời cho người vô gia cư, + Các cơ sở chăm sóc cho các bà mẹ chưa kết hôn và con cái của họ.	8790
141.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321

142.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề); - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che.v.v...; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên; - Hoạt động của các sân nhảy; - Hoạt động của các phòng hát karaoke; - Hoạt động của các nhà đạo diễn hoặc các nhà thầu khoán các sự kiện trình diễn trực tiếp nhưng không phải là các sự kiện nghệ thuật hoặc thể thao, có hoặc không có cơ sở.	9329
------	--	------

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN QUỐC ĐOÀN	Khu Khúc Toại, Phường Khúc Xuyên, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	20,000	125499220	
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	20,000		
2	NGUYỄN THỊ NGÀ	Khu Khúc Toại, Phường Khúc Xuyên, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	20,000	125932517	
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	20,000		

